TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 9 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hùng.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 293/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị Si D1, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã M1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Thạch Sa M2 (tên khác: Thạch Sa M3), sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã M1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Thạch Thị Si D1 trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, bà và ông Thạch Sa M2 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 23/5/1999 tại Ủy ban nhân dân xã M1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 15 năm, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cự cải dẫn đến mất hạnh phúc. Nên bà và ông M2 sống ly thân từ ngày 24/11/2015 đến nay không trở về đoàn

tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông M2.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Bà và ông M2 có với nhau 02 người con chung tên Thạch Thị M4, sinh ngày 02/11/2000 và Thạch Thị Ngọc D2, sinh ngày 01/6/2008. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D2 theo nguyện vọng của con, không yêu cầu ông M2 cấp dưỡng. Riêng cháu M4 đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần, đã tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Thạch Sa M2 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà D1, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông M2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về phạm vi xét xử: Xét ngoài yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con như nhận định, giải quyết tại các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*"; bà D1, ông M2 không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông M2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông M2 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà D1, ông M2 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống không điều hòa được dẫn đến mất hạnh phúc.

Bà D1, ông M2 có thời gian dài sống ly thân từ ngày 24/11/2015 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D1 xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với ông M2. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M2 không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của bà D1. Căn cứ vào lời trình bày của bà D1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa bà D1 và ông M2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa bà D1 và ông M2.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Xét cháu M3 đã thành niên không bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần, đã tự lao động nuôi sống bản thân, bà D1 không tranh chấp yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Xét cháu D2 đã trên 15 tuổi hiện bà D1 đang nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu là sau khi cha mẹ ly hôn muốn được tiếp tục sống với bà D1. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M2 không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu tranh chấp về nuôi con của bà D1. Để ổn định môi trường sống, học tập, quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của cháu D2. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu D2 cho bà D1 được trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận ý kiến của bà D1 không yêu cầu ông M2 cấp dưỡng cho cháu D2; ông M2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu D2 không ai được cản trở.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] "*Về tố tụng*" và các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D1 giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết bà D1 phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 188, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Thạch Thị Si D1 và ông Thạch Sa M2.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Thạch Thị Ngọc D2, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2008 cho bà Thạch Thị Si D1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của bà Thạch Thị Si D1 không yêu cầu ông Thạch Sa M 2cấp dưỡng cho cháu Thạch Thị Ngọc D2.

2.3. Ông Thạch Sa M2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Thạch Thị Si D1 phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0011543 ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt bà Thạch Thị Si D1, vắng mặt ông Thạch Sa M2. Báo cho bà D1 có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông M2 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã M1: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.